

Số: 2647/HD-HVBCTT

## HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Hình thức, phương pháp đánh giá cần đa dạng để đánh giá được CĐR môn học. Số lượng bài kiểm tra tùy thuộc vào tính chất và thời lượng học phần và phương pháp kiểm tra đánh giá, đảm bảo đánh giá được CĐR môn học, tạo động lực kích thích sinh viên tích cực tham gia học tập. Đối với mỗi hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá cần nêu rõ yêu cầu, tiêu chí đánh

### I. Chiến lược kiểm tra đánh giá

#### A. Đánh giá thường xuyên (Formative assessment)

##### 1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá quá trình tham gia của sinh viên trên lớp cũng như hoàn thành các yêu cầu về nhà, bao gồm việc thực hiện giờ giấc trên lớp, tham gia xây dựng bài, thảo luận, làm việc theo yêu cầu của giảng viên.

##### 2. Đánh giá bài tập

Người học được yêu cầu hoàn thành một số bài tập liên quan đến nội dung của bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

##### 3. Đánh giá làm việc nhóm

Đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên khi tham gia các hoạt động nhóm

#### B. Đánh giá tổng kết (Summative assessment)

##### 1. Kiểm tra trắc nghiệm (MCQ)

Kiểm tra trắc nghiệm thường được gọi là kiểm tra khách quan, bao gồm: câu hỏi trắc nghiệm, chọn đúng/sai, hoàn thành, nối ý, v.v. Các bài kiểm tra trắc nghiệm bao gồm một phát ngôn và các lựa chọn, trong đó có một lựa chọn đúng.

Các bài kiểm tra trắc nghiệm thường không đánh giá kỹ năng tư duy bậc cao vì việc thiết kế các câu hỏi trắc nghiệm để đánh giá các kỹ năng phân tích, tổng hợp, vận dụng, sáng tạo, giải quyết vấn đề, v.v. sẽ rất công phu và mất thời gian. Thời gian để trả lời mỗi câu hỏi trắc nghiệm.

## 2. Thi/kiểm tra viết

**2.1. Câu hỏi ngắn :** Là hình thức kiểm tra bao gồm các câu hỏi yêu cầu câu trả lời ngắn, giới hạn trong một cụm từ, một câu hoặc một đoạn (sau đây gọi tắt là câu hỏi ngắn)

- ❖ *Câu hỏi ngắn kiểm tra kiến thức nhớ, hiểu, khả năng vận dụng kiến thức (giải thích, lấy ví dụ minh họa, phân tích mối quan hệ, khái quát hoá từ hiện tượng thực tế, đưa ra nhận định, vận dụng tính toán, v.v.*

## 2.2. Câu hỏi tự luận

Viết tự luận hình thức đánh giá yêu cầu người học viết các bài luận ngắn (độ dài từ 150 - 1000 từ). Hình thức viết luận mang tính mở hơn, đòi hỏi người học phải vận dụng tổng hợp kiến thức một cách sáng tạo, khả năng vận dụng kiến thức, liên hệ thực tiễn, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá hơn là khả năng nhớ và trình bày lại kiến thức.

## 2.3. Bài tập tình huống

Các nghiên cứu tình huống có thể sử dụng trong các bài thi, kiểm tra hoặc bài tập lớn nhằm kiểm tra, đánh giá các kiến thức và kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, v.v. gắn với thực tiễn. Hình thức kiểm tra này không chỉ đánh giá kiến thức và kỹ năng tư duy đơn thuần mà còn khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tế, học đi đôi với hành. Đây là những năng lực mà sinh viên sau tốt nghiệp cần có để có thể tác nghiệp trong môi trường làm việc chuyên nghiệp. Các bài tập tình huống sử dụng trong các bài thi, kiểm tra là các sự kiện, hiện tượng, dữ liệu thực tế hoặc mô phỏng thực tế, đòi hỏi sinh viên phải lý giải, phân tích, đưa ra nhận định, giải quyết vấn đề bằng cách vận dụng các tri thức lý thuyết đã học.

## 3. Tiểu luận

Là bài viết dài gồm nhiều đoạn, có đoạn mở đầu, thân bài, kết luận. Đoạn mở đầu giới thiệu chủ đề, trình bày khái niệm chính đầu giới thiệu chủ đề, trình bày khái niệm chính và nêu ngắn gọn bố cục của bài. Bài luận sử dụng các ví dụ minh họa để phát triển ý. Đoạn kết luận tóm tắt toàn bộ luận điểm chính của bài. Bài luận thường

yêu cầu sinh viên trình bày định nghĩa, giải thích, đưa ví dụ minh họa cho các luận điểm và nêu lên mối quan hệ giữa các yếu tố.

#### **4. Bài tập lớn**

Giáo viên có thể đưa ra một nghiên cứu trường hợp là các tình huống đã xảy ra, yêu cầu sinh viên viết báo cáo trong đó vận dụng các tri thức lý thuyết đã học, các kiến thức thực tiễn thông qua nghiên cứu để phân tích tình huống, các giải pháp đưa ra từ quan điểm của người trong cuộc, đánh giá các giải pháp đó, áp dụng bài học kinh nghiệm vào giải quyết các tình huống tương tự, trong bối cảnh khác hoặc ở một thời điểm khác. Đây là loại nghiên cứu trường hợp mang tính phân tích, đánh giá. Một loại nghiên cứu trường hợp khác có thể sử dụng là giải quyết vấn đề. Giáo viên đưa ra một tình huống phức tạp, có thật hoặc mô phỏng thực tiễn, nhưng chưa có giải pháp. Sinh viên được yêu cầu viết bài trong đó phân tích tình huống, đề các giải pháp có thể và lựa chọn giải pháp tốt nhất và lập luận để lý giải cho các giải pháp đó. Để thực hiện được bài tập này, sinh viên phải nghiên cứu lý thuyết và các thông tin, kiến thức thực tiễn từ nhiều nguồn khác nhau, vận dụng tổng hợp các kỹ năng phân tích, đánh giá, suy luận, tư duy phê phán, kỹ năng giải quyết vấn đề, v.v.

#### **5. Dự án/ Sản phẩm (Project/product)**

##### **a. Sản phẩm thực tế/thực tập**

Hình thức này có thể kiểm tra, đánh giá năng lực của sinh viên ở nơi thực tế/thực tập trong việc thực hiện một nhiệm vụ cụ thể hoặc trường hợp cụ thể, khả năng và kỹ năng nghề nghiệp qua quá trình thực tế/thực tập.

Hình thức kiểm tra đánh giá được năng lực tác nghiệp của sinh viên, chuẩn bị cho sinh viên sau tốt nghiệp. Tuy nhiên khó khăn trong việc kiểm soát quá trình thực tế, thực tập của sinh viên để đánh giá đúng khả năng, năng lực. Do đó, cần có sự thu xếp, liên lạc thường xuyên giữa các bên (giảng viên, sinh viên, người hướng dẫn nơi thực tế/thực tập. Cần thông báo rõ hình thức kiểm tra, các tiêu chí đánh giá và đánh giá quá trình, giúp sinh viên cải tiến kết quả.

##### **b) Dự án**

Dự án thường là hoạt động đòi hỏi sinh viên phải thực hiện dựa trên nghiên cứu trong một thời gian, có thể ngắn hoặc dài tùy thuộc quy mô dự án. Dự án có thể được

thực hiện cá nhân hoặc theo nhóm, sản phẩm có thể là báo cáo dự án, thiết kế, tác phẩm, sản phẩm, v.v.

Hình thức đánh giá này có thể đánh giá được toàn diện các năng lực đầu ra khác nhau một cách linh hoạt, bao gồm khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng trong thực tiễn, khả năng quản lý và quản lý thời gian, khả năng sáng tạo, giải quyết vấn đề, khả năng nghiên cứu, làm việc độc lập.

Tuy nhiên, bất lợi của việc sử dụng hình thức đánh giá này là vì bản chất các dự án khác nhau nên khó để giáo viên đánh giá một cách công bằng giữa các sinh viên.

## 6. Thuyết trình

Có thể kiểm tra kiến thức, mức độ hiểu, khả năng tổ chức thông tin, kỹ năng giao tiếp, v.v. Thuyết trình chủ đề độc lập hoặc thuyết trình một phần dự án.

Bài thuyết trình cần tóm tắt ngắn gọn và phê bình đánh giá các vấn đề và bằng chứng chính. Cuối bài thuyết trình cần có các câu hỏi cho lớp thảo luận.

## 7. Hồ sơ học tập (portfolios)

Hồ sơ (Portfolio) là tập hợp hệ thống các sản phẩm thể hiện năng lực của sinh viên trong một lĩnh vực, một khoá học hoặc tổng hợp năng lực đầu ra trong một chương trình học. Portfolios có thể là tập hợp các bài luận, các báo cáo dự án, bài tập, các nghiên cứu trường hợp, sản phẩm, bài đăng tạp chí, v.v. tùy thuộc vào mục tiêu khoá học. Như vậy, việc sử dụng portfolios không chỉ kiểm tra kiến thức lý thuyết đơn thuần và khả năng nhớ của sinh viên mà là các kỹ năng tư duy bậc cao như khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, tư duy phê phán, phản biện, khả năng sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề, vận dụng tri thức vào thực tiễn.

Portfolios gồm hai loại:

- *Showcase portfolios*: Tập hợp những sản phẩm tốt nhất sinh viên lựa chọn để thể hiện các kiến thức, kỹ năng đã đạt được sau một khoá học hoặc chương trình học, nhấn mạnh vào sản phẩm
- *Development portfolios*: Danh mục sản phẩm thể hiện bằng chứng về sự tiến bộ của sinh viên trong quá trình học, sự thay đổi về mặt nhận thức, kỹ năng, thái độ, v.v. Danh mục sản phẩm này nhấn mạnh vào quá trình học, sự tiến bộ của sinh viên.

## 8. Viết báo cáo (Report) thực tế/thực địa/ dự án

Các loại báo cáo có thể là báo cáo thí nghiệm, quá trình thực địa, báo cáo về các nghiên cứu trường hợp, giải quyết vấn đề, báo cáo dự án, v.v. Báo cáo được viết dựa trên việc thu thập và phân tích thông tin, sử dụng phương pháp nghiên cứu nhất định, đưa ra kết luận và đề xuất.

Hình thức đánh giá này có thể đánh giá khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Đồng thời cũng có khả năng đánh giá các kỹ năng như sử dụng vi tính và khả năng nghiên cứu, tìm kiếm thông tin. Trước khi sử dụng hình thức đánh giá này cần dạy sinh viên kỹ năng viết báo cáo, hình thức báo cáo, ví dụ về báo cáo đạt tốt yêu cầu và báo cáo chưa đạt yêu cầu.

## 9. Thi vấn đáp

Thi vấn đáp cho phép sinh viên trực tiếp trả lời câu hỏi của giám khảo. Hình thức thi này thường được sử dụng trong các môn học ngoại ngữ, ngôn ngữ đòi hỏi khả năng nói và các môn học khác để kiểm tra kiến thức. Các câu hỏi thi vấn đáp cần được thiết kế dưới dạng câu hỏi ngắn. Tuy nhiên hình thức thi này tốn thời gian và khó áp dụng với những lớp đông.

## II. Tiêu chí đánh giá

Một số tiêu chí đánh giá tham khảo cho các hình thức kiểm tra đánh giá:

Hình thức kiểm tra/đánh giá	Tiêu chí đánh giá
1. Kiểm tra trắc nghiệm và câu hỏi ngắn	a) Kiến thức: Khả năng nhớ và hiểu của người học về các vấn đề lý luận (khái niệm, học thuyết, cách tiếp cận, v.v.); b) Khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết
2. Viết tự luận	a) Hiểu câu hỏi, vấn đề và các khái niệm chính: - Trả lời đúng trọng tâm đề bài - Sử dụng thuật ngữ và các khái niệm chính xác b). Chiều sâu phân tích: - Mức độ hiểu các khái niệm và nguyên tắc cơ bản - Phân tích vấn đề từ các khía cạnh, góc độ, quan điểm khác nhau. - Khả năng tư duy phê phán: đưa ra nhận định, đánh giá riêng của bản thân, khả năng liên hệ giữa lý luận và thực tiễn. c). Tổ chức kết cấu bài: Tính logic và mạch lạc; Các luận điểm đưa ra có dẫn chứng, trích dẫn, v.v.
3. Tiểu luận	a) Hiểu câu hỏi, vấn đề và các khái niệm chính: - Trả lời đúng và đầy đủ các yêu cầu đề bài

<p>7. Hồ sơ học tập (portfolios)</p> <p>8. Thi vấn đáp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng thuật ngữ và các khái niệm chính xác</li> <li>b) Chiều sâu phân tích: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ hiểu các khái niệm và nguyên tắc cơ bản</li> <li>- Phân tích các khía cạnh của vấn đề một cách sâu sắc. Phân tích vấn đề từ các khía cạnh, góc độ, quan điểm khác nhau.</li> <li>- Khả năng tư duy phê phán: đưa ra nhận định, đánh giá riêng của bản thân, khả năng liên hệ giữa lý luận và thực tiễn.</li> </ul> </li> <li>c) Kiến thức về các nghiên cứu có liên quan đến chủ đề (tổng quan nghiên cứu): Bài luận thể hiện khả năng tiếp cận và sử dụng các nghiên cứu học thuật về các vấn đề để tăng tính thuyết phục của lập luận.</li> <li>d) Tổ chức kết cấu bài: Tính logic và mạch lạc; cấu trúc mở bài, thân bài, kết luận chặt chẽ. Các luận điểm đưa ra có dẫn chứng, trích dẫn, v.v.</li> <li>e) Khả năng viết học thuật: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc sử dụng ngôn ngữ chuyên ngành, cấu trúc câu, ngữ pháp</li> <li>- Cách thức trích dẫn các nguồn tham khảo, v.v.</li> </ul> </li> </ul>
<p><b>4. Thuyết trình</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Bố cục bài thuyết trình: tính logic, mạch lạc</li> <li>b) Tính thuyết phục: Khả năng lập luận, phân tích, đánh giá</li> <li>c) Kiến thức về chủ đề: Kiến thức của sinh viên về các vấn đề lý luận – các khái niệm, quan điểm, học thuyết, các công trình nghiên cứu liên quan, v.v.</li> <li>d) Sử dụng các công cụ hỗ trợ:</li> <li>e) Kỹ năng giao tiếp: Khả năng trình bày lưu loát, rõ ràng, sử dụng ngôn ngữ cơ thể, khả năng tương tác với khán giả.</li> </ul>
<p><b>5. Dự án</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Kiến thức và mức độ hiểu biết về chủ đề</li> <li>b) Khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn.</li> <li>c) Hình thức trình bày: bố cục, màu sắc, thiết kế</li> <li>d) Khả năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập</li> <li>e) Thái độ làm việc: Tích cực, chủ động, nỗ lực trong công việc</li> </ul>
<p><b>6. Bài tập lớn</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề.</li> <li>b) Khả năng sáng tạo ý tưởng tác phẩm, sản phẩm, kế hoạch, công trình.</li> <li>c) Khả năng sử dụng văn phong, ngôn ngữ lời nói và hình ảnh phù hợp để truyền tải thông điệp.</li> <li>d) Kết cấu, bố cục: logic, mạch lạc, rõ ràng</li> <li>a) Kỹ năng sử dụng phương tiện kỹ thuật: Mức độ thành thạo trong sử dụng các phương tiện, công cụ; vận hành các quy trình, kỹ</li> </ul>

	thuật. b) Khả năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập c) Thái độ làm việc: Tích cực, chủ động, nỗ lực trong công việc
<b>7. Hồ sơ học tập (portfolios)</b>	Dựa vào nội dung của danh mục sản phẩm để đưa ra các tiêu chí đánh giá phù hợp, sử dụng các tiêu chí như đánh giá bài tập, bài tự luận, tác phẩm, sản phẩm, v.v.
<b>8. Thi vấn đáp</b>	a) Kiến thức: Khả năng nhớ và hiểu của người học về các vấn đề lý luận (khái niệm, học thuyết, cách tiếp cận, v.v.); b) Khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết vấn đề.

### *Sử dụng Rubrics trong đánh giá*

Rubric là một công cụ đánh giá chỉ rõ các tiêu chí đạt được trên tất cả các nhiệm vụ của sinh viên, từ nhiệm vụ bằng văn bản đến nhiệm vụ bằng miệng và nhiệm vụ trực quan. Rubrics có thể được sử dụng để chấm điểm đối với bài tập, sự tham gia lớp học hoặc điểm tổng kết. Có hai loại đánh giá theo tiêu chí: tổng thể và chi tiết.

Đánh giá theo tiêu chí kiểu tổng thể là phân nhóm các tiêu chí đánh giá khác nhau theo chủ đề hoặc cấp độ đạt được.

Về chọn mẫu, xem Phụ lục của bí quyết giảng dạy này. Bí quyết giảng dạy của chúng tôi về “Đánh giá các bài luận” (Responding to Writing Assignments) bao gồm các bảng đánh giá tổng thể được thiết kế đặc biệt cho các bài luận. Xem thêm Facric và Facione (1994) “Holistic Critical Thinking Rubric [PDF]“, hữu ích trong nhiều ngành.

Đánh giá theo tiêu chí kiểu chi tiết là phân biệt các tiêu chí đánh giá khác nhau và giải quyết chúng một cách toàn diện. Trong bảng tiêu chí đánh giá theo chiều ngang, hàng ngang trên cùng là các giá trị có thể được biểu thị bằng số hoặc chữ cái, hoặc thang đo từ Khác biệt đến Kém (hoặc Chuyên nghiệp đến Nghiệp dư, v.v.). Cột dọc đầu tiên của bảng bao gồm các tiêu chí đánh giá cho từng thành phần. Loại bảng đánh giá chi tiết này có thể cho phép các thành phần khác nhau chiếm trọng số khác nhau.

### *Cách tạo Bảng đánh giá Rubrics*

1. Quyết định những tiêu chí hoặc yếu tố thiết yếu phải có trong thực hiện nhiệm vụ của sinh viên để đảm bảo rằng nó có chất lượng cao. Ở giai đoạn này, cos xem xét việc chọn một bài tập đạt điểm tốt làm mẫu cho sinh viên khi giao bài tập.

2. Quyết định Bảng đánh giá này gồm bao nhiêu mức và chúng tương ứng như thế nào với thang điểm chung của trường cũng như thang điểm của chính giảng viên.

3. Đối với từng tiêu chí, thành phần hoặc yếu tố chất lượng thiết yếu, hãy mô tả chi tiết về kết quả đạt được ở mỗi cấp độ là như thế nào.

4. Chừa lại khoảng trống cho các nhận xét bổ sung, điều chỉnh hoặc các hiển thị tổng quát và điểm tổng kết.

Cung cấp cho sinh viên một bản sao của bảng đánh giá khi bạn giao bài tập. Các tiêu chí không được gây bất ngờ cho sinh viên. Bảng đánh giá phải được nộp lại kèm với bài tập.

Mẫu Rubrics đánh giá tiểu luận và bài tập lớn trong phụ lục 2 đính kèm.

### III. Tổ chức thực hiện

Trung tâm KT-KĐCLĐT hướng dẫn các Khoa trong quá trình thiết kế, sử dụng phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra.

Các Khoa đào tạo tổ chức thực hiện thiết kế và sử dụng các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra theo Hướng dẫn và theo Quy định đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. *ll*

*Nơi nhận*

*Ban Giám đốc*

*Các khoa đào tạo*

*Lưu TTKT-KĐCL, VT*



Lưu Văn An



**PHỤ LỤC 1. HƯỚNG DẪN PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA**

**KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUẨN ĐẦU RA**

Phương pháp kiểm tra đánh giá	Nhớ	Hiểu	Vận dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Kỹ năng giải quyết vấn đề	Kỹ năng nghiệp vụ (Vận hành/Sử dụng/tổ chức/Thiết kế)	Kỹ năng làm việc nhóm, lãnh đạo chuyên môn	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình	Kỹ năng lập kế hoạch, quản lý nguồn lực	Kỹ năng học, tự nghiên cứu
<b>A Đánh giá thường xuyên</b>												
1	X	X	a	a	a	a						
2	X	X	a	a	a	a						x
3	x	x	a	a	a	a			X			
<b>B Đánh giá tổng kết</b>												
4	X	X	X	X	X	X						
5	X	X	X	X	X	X						
6			X	X	X	X	a					
7	X	X	X	X	X	X	a					
8		X	X	X	X	X	a		X	X	X	X
9			X	X	X	X	a			X	X	X
10			X	X	X	X	X	X	a	a	X	X
11			X	X	X	X	X	X	a	a	X	X

a: Phụ thuộc vào nội dung của phương pháp để đạt CĐR



**PHỤ LỤC 2: 2.1. BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TIÊU LUẬN**

STT	Tiêu chí	Kém (Dưới 4,0)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Khá (7,0 - 8,4)	Giỏi (8,5-10)
1	<b>Hiệu quả yêu cầu đề bài</b>	Lạc đề; bài làm hoàn toàn không đáp ứng hoặc đáp ứng rất ít yêu cầu đề bài; nhiều sai các khái niệm, thuật ngữ.	Đáp ứng một phần yếu cầu đề bài; nhiều ý không liên quan; sử dụng nhiều khái niệm chưa chính xác.	Đáp ứng được một phần lớn yêu cầu đề bài; sử dụng các khái niệm, thuật ngữ tương đối chính xác.	Bài làm đáp ứng phần lớn yêu cầu đề bài; sử dụng các khái niệm, thuật ngữ tương đối chính xác.	Bài làm đáp ứng đầy đủ, chính xác các yêu cầu đề bài; sử dụng đầy đủ các thuật ngữ, khái niệm một cách chính xác.
2	<b>Chiều sâu phân tích, lập luận</b>	Đưa ra rất ít hoặc không đưa ra được thông tin, lập luận, dẫn chứng để phân tích vấn đề; Hoàn toàn không có sự liên hệ giữa lý luận và thực tiễn..	Phân tích vấn đề từ một hoặc một vài góc độ, khía cạnh, quan điểm; thông tin, lập luận, dẫn chứng sơ sài; Có rất ít sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn.	Phân tích vấn đề từ một vài góc độ, khía cạnh, quan điểm; thông tin, lập luận, dẫn chứng tương đối sơ sài; Có ít liên hệ giữa lý luận và thực tiễn.	Phân tích vấn đề từ nhiều góc độ, khía cạnh, quan điểm khác nhau; thông tin, lập luận, dẫn chứng tương đối đầy đủ; Có sự liên hệ giữa lý luận và thực tiễn một cách hợp lý.	Phân tích vấn đề từ các góc độ, khía cạnh, quan điểm khác nhau; Thể hiện tư duy phê phán; Có sự liên hệ sâu sắc giữa lý luận và thực tiễn.
3	<b>Kiến thức chuyên môn</b>	Không thể hiện khả năng tiếp cận và sử dụng các nghiên cứu học thuật; không sử dụng, sử dụng rất ít hoặc sai lệch các trích dẫn nguồn.	Thể hiện khả năng tiếp cận và sử dụng một số nghiên cứu học thuật; thiếu trích dẫn nguồn hoặc nhiều trích dẫn không chính xác, phù hợp.	Tiếp cận và sử dụng được một số nghiên cứu học thuật về chủ đề đề hỗ trợ lập luận; một số trích dẫn không chính xác, phù hợp.	Thể hiện khả năng tiếp cận và sử dụng các nghiên cứu học thuật tương đối đầy đủ, hiệu quả.	Thể hiện khả năng tiếp cận và sử dụng các nghiên cứu học thuật đầy đủ; các luận điểm đưa ra đều có dẫn chứng, trích dẫn đầy đủ, thuyết phục.
4	<b>Tổ chức kết cấu bài</b>	Bài viết thiếu các phần, nội dung chính; Các nội dung lộn xộn, thiếu tính mạch lạc, logic.	Bài viết không đầy đủ các phần, nội dung chính; viết mang tính sơ sài; Nhiều nội dung sắp xếp lộn xộn, thiếu tính mạch lạc, logic.	Bài viết đầy đủ các phần nhưng viết còn sơ sài; Một số phần, nội dung được tổ chức chưa hợp lý, logic.	Kết cấu bài đầy đủ các phần; Bố cục tương đối chặt chẽ, logic.	Kết cấu bài đầy đủ các phần; Bố cục chặt chẽ, logic; Phát triển ý mạch lạc.
5	<b>Văn phong, kỹ thuật</b>	Ngôn ngữ sử dụng hoàn toàn không mang tính học thuật; Phần lớn các trích dẫn tài liệu tham khảo không được trình bày đúng theo các thông lệ quốc gia/quốc tế; Bài viết chứa nhiều lỗi kỹ thuật, đánh máy, chỉnh tả, v.v.	Ngôn ngữ sử dụng phần lớn không mang tính học thuật; Nhiều trích dẫn, tài liệu tham khảo không được trình bày đúng theo các thông lệ quốc gia/quốc tế; Có nhiều lỗi kỹ thuật, đánh máy, chỉnh tả, v.v.	Ngôn ngữ sử dụng chưa mang tính học thuật cao; Một số các trích dẫn, tài liệu tham khảo không được trình bày đúng theo các thông lệ quốc gia/quốc tế; Có một số lỗi kỹ thuật, đánh máy, chỉnh tả, v.v.	Ngôn ngữ tương đối mang tính học thuật; Phần lớn các trích dẫn, tài liệu tham khảo được trình bày đúng theo các thông lệ quốc gia/quốc tế; Có ít lỗi kỹ thuật, đánh máy, chỉnh tả, v.v.	Ngôn ngữ mang tính học thuật cao; Các trích dẫn, tài liệu tham khảo được trình bày đúng theo các thông lệ quốc gia/quốc tế; Không có hoặc có rất ít lỗi kỹ thuật, đánh máy, chỉnh tả, v.v.

NG SÁN  
 KỶ VIÊN  
 HỒ CHÍ MINH  
 YÊN TRUY

QUỐC GI

2.2. BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN/SẢN PHẨM/BÀI TẬP THỰC HÀNH

STT	Tiêu chí	Kém (Dưới 4,0)	Trung bình yếu (40-5,4)	Trung bình 5,5-6,9	Khá 7,0 - 8,4	Giỏi 8,5-10
1	Khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề.	Cơ bản không giải quyết được vấn đề, không vận dụng được kiến thức lý luận hoặc thực tiễn một cách phù hợp	Giải quyết một vài khía cạnh của vấn đề, thể hiện khả năng vận dụng kiến thức lý luận, thực tiễn một cách hạn chế	Giải quyết một số khía cạnh của vấn đề, có vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn	Giải quyết vấn đề một cách tương đối đầy đủ, vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn hợp lý	Giải quyết vấn đề trọn vẹn vấn đề; Vận dụng tổng hợp các kiến thức lý luận và thực tiễn hiệu quả
2	Tính sáng tạo	Sao chép ý tưởng; rập khuôn, máy móc; không thể hiện sự sáng tạo của cá nhân	Thể hiện rất ít tính sáng tạo của cá nhân	Thể hiện được một vài sáng tạo trong thiết kế, trình bày thông điệp	Thể hiện được tính sáng tạo trong thiết kế, trình bày thông điệp;	Thể hiện tính sáng tạo cao trong thiết kế, trình bày thông điệp; tác phẩm mang dấu ấn cá nhân rõ nét
3	Diễn đạt ý tưởng sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh	Ngôn ngữ, văn phong chưa phù hợp; nhiều lỗi sử dụng	Nhiều ngôn ngữ, văn phong chưa phù hợp; nhiều lỗi sử dụng	Ngôn ngữ, văn phong chưa phù hợp; nhiều lỗi sử dụng	Ngôn ngữ, văn phong, hình ảnh phù hợp; tuy vẫn còn một số lỗi sử dụng ngôn ngữ, văn phong	Ngôn ngữ, văn phong, hình ảnh phù hợp, hiệu quả cao
4	Kỹ năng sử dụng phương tiện kỹ thuật:	Không sử dụng được các công cụ, phương tiện, kỹ thuật	Sử dụng được hạn chế một số các phương tiện, công cụ, kỹ thuật	Sử dụng được một số các phương tiện, công cụ, kỹ thuật nhưng chưa thành thạo	Sử dụng kết hợp các phương tiện, công cụ, kỹ thuật một cách tương đối thành thạo	Sử dụng kết hợp các phương tiện, công cụ, kỹ thuật một cách thành thạo, hiệu quả

